TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** TỈNH HÀ TĨNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS - ST
Ngày 24/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Bảo và bà Trần Thị Mai Liên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng, Chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường xét xử số 1, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2020/TLST - HS ngày 17 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/HSST - QĐXX ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/06/1992, tại xã B, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Trú tại: Xóm X, xã B, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968 và bà Lê Thị H, sinh năm 1969, trú tại xóm X, xã B, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vợ Hồ Thị N, sinh năm 1998. Đã ly thân. Hiện sống tại tỉnh Thừa Thiên Huế; con: Chưa có.Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị khởi tổ bị can ngày 17/12/2019, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm X, xã B, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Võ Quốc Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978, trú tại xóm 8, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Lê N, sinh năm 2004, trú tại xóm 8, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện giám hộ cho chị N: Chị Nguyễn Thị Q (Mẹ của chị N). Địa chỉ: Xóm 8, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

+ Anh Lê Ngọc M, sinh Năm 1978, trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968, trú tại: Xóm X, xã B, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 08/12/2019, Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô ESPERO màu đen, biển kiểm soát 38B-00492 đi từ nhà mình đến cửa hàng bán quần áo của anh Lê Ngọc M ở xóm 6, xã P để mua quần áo, khi đến nơi T dựng xe ở ngoài sân rồi đi bộ vào cửa hàng chọn 01 chiếc áo sơ mi và đi vào phòng thử đồ thì phát hiện 01 chiếc túi xách màu đỏ của chị Nguyễn Thị Q đang treo trên móc quần áo của phòng thử đồ, không có người trông giữ nên nẩy sinh ý định lấy trộm. T dùng tay mở túi xách thấy bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000đ nên lấy một tập tiền bỏ vào túi quần rồi đi ra quầy thanh toán tiền mua áo. Sau đó ra lấy xe mô tô đi về nhà mình, trên đường đi T dừng lại lấy tiền ra đếm được 9.000.000đ (chín triệu đồng), số tiền lấy được T dùng tiêu xài cả nhân. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Nguyễn Thị Q trình báo Công an huyện H. Quá trình kiểm tra, xác minh và trích xuất camera tại cửa hàng bán quần áo của anh M, Công an làm việc, T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và cùng với gia đình bồi T toàn bộ số tiền trộm được cho gia đình bị hại.

Vật chứng thu giữ:

- 01 thiết bị lưu trữ (USB) phía sau được bọc nhựa màu đỏ có ký hiệu DT101 G28Gb, phía trên có nắp đậy bằng kim loại màu trắng, bên trong thiết bị lưu trữ có 03 tệp dữ liệu điện tử. Cơ quan điều tra đã niêm phong kèm theo hồ sơ vụ án.

- Các vật chứng thu giữ còn lại trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện H đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Hữu T đã cùng gia đình đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Q số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), bi hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 03/CT- VKS-HK ngày 16/01/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ về hành vi của mình như nội dung trên. Bị cáo không kêu oan mà xin được giảm nhẹ hình phạt.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đưa ra các tình tiết giám nhẹ được quy định tại điểm b,i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, bị hại có đơn bãi nại giảm nhẹ hình

phạt.., được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS và xin được cho hưởng án treo mức thấp nhất được Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tổ bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ Nguyễn Hữu T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 - 24 tháng, kể từ ngày tuyên án và đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra và của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định, hành vi tố tụng của Viện kiểm sát và của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 08/12/2019 Nguyễn Hữu T vào quầy bán quần áo của anh Lê Ngọc M ở xóm 6 xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh khi đi vào phòng thử quần, áo phát hiện 01 chiếc túi xách màu đỏ treo ở phòng thử đồ không có người trong coi nên đã nẩy sinh ý định lấy trộm và đã dùng tay mở túi xách rút lấy 01 tập tiền bỏ vào túi quần của mình rồi ra về, trên đường về dừng xe lại kiểm đếm số tiền trộm được là 9.000.000đ (chín triệu đồng)

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện thái độ xem T pháp luật. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giám nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Gia đình có hoàn cảnh

khó khăn (Thuộc diện hộ cận nghèo), nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị hại xin giám nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo Nguyễn Hữu T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời răn đe, phòng ngừa chung như mức đề nghị về hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng như lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 thiết bị lưu trữ (USB), phía sau được bọc nhựa màu đỏ có ký hiệu DT101 G28Gb, phía trên nắp đậy bằng kim loại màu trắng, bên trong thiết bị lưu trữ có 03 tệp dữ liệu điện tử. Cơ quan điều tra đã niêm phong kèm theo hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng thu thập được trong quá trình điều tra, truy tổ bằng dữ liệu điện tử quy định tại điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự nên được tiếp tục lưu dữ tại hồ sơ vụ án theo quy định.

- Các vật chứng thu giữ còn lại trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện H đã trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định, tại phiên tòa không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí:

Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban T vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T, phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Hà

Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: 01 thiết bị lưu trữ (USB), phía sau được bọc nhựa màu đỏ có ký hiệu DT101 G28Gb, phía trên có nắp đậy bằng kim loại màu trắng, bên trong thiết bị lưu trữ có 03 tệp dữ liệu điện tử. được tiếp tục lưu dữ tại hồ sơ vụ án theo quy định.

4.Về án phí: Miễn án phí HSST cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kế từ ngày nhận được hoặc niên yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện H;
-VKSND tỉnh Hà Tĩnh
- CA huyện H;
- THADS huyện H;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Trọng Hùng